

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày: 19-01-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Trần Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Văn Hoan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 125/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T; sinh ngày: 18/8/2002 tại Ninh Thuận; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Phương C, xã Phương H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận; Nơi cư trú: toà J - Chung cư Hà Đô C, Số 200 Đường Y, Phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Xe ôm công nghệ; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn S và bà: Trần Thị Thái N; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/12/2022 tại Nhà Tạm giữ Công an Quận 10.

(Bị cáo có mặt).

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn F, xã IA T, huyện IA G, tỉnh Gia Lai.

2. Chị Lê Thị Trúc T, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ B, thôn B, xã Đông H, huyện Đức L, tỉnh Bình Thuận.

3. Ông Hồ Tấn C, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường Bàu C, Phường R, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Anh Vương Trung H, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ B, khu phố Khánh L, xã Tân Phước K, huyện Tân U, tỉnh Bình Dương.

5. Chị Lê Thị Lan N, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp , xã Xuân Đ, huyện Cẩm M, tỉnh Đồng Nai.

6. Chị Nguyễn Ngọc Hoàng Y, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Xuân Đ, huyện Cẩm M, tỉnh Đồng Nai.

7. Anh Võ Chí M, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Xuân Đ, huyện Cẩm M, tỉnh Đồng Nai.

8. Chị Nguyễn Thị Thuỳ T, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Xuân Đ, huyện Cẩm M, tỉnh Đồng Nai.

9. Chị Trần Ngọc Anh T, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân P, xã Thành T, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

10. Chị Phạm Thị Trúc L, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã Long H, huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang.

11. Bà Trần Thị Yến L, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường Lâm Quang K, phường An H, thành phố Rạch G, tỉnh Kiên Giang.

12. Chị Lê Thị L, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bến S, xã Phước T, huyện Nhơn T, tỉnh Đồng Nai.

13. Chị Trần Thị Phương T, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Vĩnh T, xã Long T, huyện Nhơn T, tỉnh Đồng Nai.

14. Anh Nguyễn Hoàng Duy K, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: đường Lò G, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Anh Nguyễn Hữu Trọng N, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: đường Lê Văn S, Phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Chị Đặng Hiểu N, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ F, phường An P, thị xã An K, tỉnh Gia Lai.

17. Chị Nguyễn Ngọc Trang Đ, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: đường Huỳnh Văn B, Phường R, quận Phú N, Thành phố Hồ Chí Minh.

18. Anh Hồ Ngọc H, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố D, phường Long H, thị xã Hoà T, tỉnh Tây Ninh.

19. Anh Trần Công P, sinh năm 2000 (có mặt).

Địa chỉ: Khối B, thị trấn Con C, huyện Con C, tỉnh Nghệ An.

20. Chị Nguyễn Thị Phụng K, sinh năm 2000 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Phong T, xã Tân Mỹ C, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

21. Anh Lê Gia K, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Địa chỉ: Phú Nông N, xã Vĩnh N, thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hoà.

22. Anh Huỳnh Đức H, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường Đặng D, phường Phước L, thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hoà.

23. Chị Nguyễn Lý Phương N, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường Q, Phường D, thành phố Bến T, tỉnh Bến Tre.

24. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường Huỳnh Văn B, Phường T, quận Phú N, Thành phố Hồ Chí Minh.

25. Chị Bùi Xuân V, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm Long T, phường Long T, thị xã Tân C, tỉnh An Giang.

26. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đức T, xã Lộc Đ, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

27. Chị Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Lộc K, xã Gia L, thị trấn Trảng B, tỉnh Tây Ninh.

28. Anh Trần Quốc H, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã Duyên H, tỉnh Trà Vinh.

29. Anh Trần Kim T, sinh năm 2002 (có mặt).

Địa chỉ: đường Huyền Trân Công C, Phường F, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên.

30. Anh Trần Xuân N, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường Trần Hưng Đ, Phường F, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên.

31. Chị Nguyễn Phạm Bảo Trân, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường Nguyễn An N, Phường G, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

32. Chị Hoàng Ngọc Uyên P, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường Nguyễn Hữu C, phường Thắng N, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

33. Chị Đặng Mỹ L, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ X, phường Chính G, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng.

34. Chị Võ Thị Thuỳ L, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu H, xã Liên H, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ.

35. Chị Đinh Thị Trà M, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Tân M, xã Mỹ S, huyện Ninh S, tỉnh Ninh Thuận.

36. Anh Đinh Lê Q, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Tân M, xã Mỹ S, huyện Ninh S, tỉnh Ninh Thuận.

37. Chị Đỗ Thị Ngọc T, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: đường Tô Hiến T, Phường R, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

38. Chị Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: đường Trần Quang K, Phường H, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng.

39. Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: đường Tam Đ, Phường J, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

40. Chị Nguyễn Thuỳ Thảo V, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: đường Tam H, Khu phố D, phường Tam P, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

41. Chị Trần Lê Phương L, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: Hẻm X, Đường Cách Mạng Tháng T, Khu phố D, Phường D, thành phố Tây N, tỉnh Tây Ninh.

42. Anh Nguyễn Hải L, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường Lê D, phường Cửa N, quận Hoàn K, Thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Võ Duy B, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn An T, xã Song A, thị xã An K, tỉnh Gia Lai.

2. Ông Vũ Văn L, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường Lương Thế V, phường Trần Đăng N, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích chiếm đoạt tiền của người khác để tiêu xài, bị cáo Nguyễn Minh T, sinh ngày: 18/8/2002, hộ khẩu thường trú: Thôn Phương C, xã Phương H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận, nghĩ ra thủ đoạn thuê Phòng sau đó đăng

thông tin cho thuê phòng trên trang điện tử “Chotot.vn” với mức giá rẻ hơn mức giá bị cáo T đã thuê. Sau đó, bị cáo sẽ ký hợp đồng cho nhiều người thuê cùng 01 địa điểm và yêu cầu người thuê đặt cọc tiền hoặc trả trước tiền thuê nhà 01 tháng rồi chiếm đoạt. Để thực hiện thủ đoạn trên, thông qua mạng xã hội Facebook, bị cáo T đặt một người (không rõ lai lịch) làm giả hình ảnh 01 giấy Chứng minh nhân dân số: 264562523, họ tên: Nguyễn Minh T, sinh ngày: 18/8/1999, nơi đăng ký thường trú: Vĩnh H, thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hoà. Theo yêu cầu của bị cáo, sau khi làm xong, người này chuyển hình ảnh chứng minh nhân dân giả cho bị cáo T (không có giấy giả). Bị cáo T đã thuê các phòng, gồm: Phòng 1xx, tại nhà Đường Y, Phường R, Quận K của Công Ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Bất động sản Hải Đ, với giá 7.200.000 đồng/tháng; Phòng 2xx, tại nhà số đường Thành T, Phường R, Quận A của ông Võ Duy B, với giá 8.000.000 đồng/tháng; Phòng 1xx và 2xx, tại nhà đường Lê Hồng P, Phường I, Quận K của anh Nguyễn Thế T, giá thuê mỗi phòng là 12.000.000 đồng/tháng. Sau đó, bị cáo T đăng thông tin cho thuê các phòng trên lên trang điện tử “Chotot.vn” để tìm kiếm người thuê. Khi người thuê phòng liên hệ và đến xem phòng thì bị cáo T nói dối là nhà của bị cáo hoặc bị cáo là quản lý của tòa nhà. Trường hợp đồng ý thuê, bị cáo T sử dụng thông tin trên hình chứng minh nhân dân giả để làm hợp đồng đặt cọc, hợp đồng thuê phòng/căn hộ và yêu cầu người thuê phòng chuyển tiền cọc, tiền thuê nhà trước một tháng vào tài khoản số 106875205xxx mở tại Ngân hàng Viettinbank và tài khoản số 55051866xxx mở tại Ngân hàng MB Bank, do Nguyễn Minh T là chủ các tài khoản. Trường hợp người thuê phòng yêu cầu xem giấy tờ thì bị cáo T sẽ cho người thuê phòng xem hình ảnh chứng minh nhân dân giả hoặc gửi hình ảnh chứng minh nhân dân giả qua tài khoản zalo cho người thuê phòng xem. Sau khi người thuê nhà chuyển tiền đặt cọc, tiền thuê nhà và người thuê phòng yêu cầu giao phòng thì bị cáo sẽ đưa ra lý do để không giao phòng hoặc chặn liên lạc để không bị phát hiện và chiếm đoạt số tiền đã được chuyển khoản.

Với thủ đoạn như trên, từ ngày 02/12/2022 đến ngày 19/12/2022, trên địa bàn Quận K, bị cáo Nguyễn Minh T đã thực hiện 25 vụ, chiếm đoạt của người đi thuê phòng với tổng số tiền là 291.100.000 đồng. Cụ thể như sau:

Cùng ngày 02/12/2022, bị cáo T đã nhận tiền chuyển khoản cho thuê Phòng 2xx, tại nhà Đường Y, Phường R, Quận K. Chiếm đoạt số tiền 10.600.000 đồng của anh Nguyễn Tiến D và chị Lê Thị Trúc T, do anh Dương đại diện thỏa thuận thuê phòng, gồm: tiền cọc là 5.200.000 đồng, tiền thuê nhà tháng 12/2022 là 5.400.000 đồng; chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng của anh Hồ Tấn C đã đặt cọc để thuê phòng.

Từ ngày 08/12/2022 đến ngày 18/12/2022, bị cáo T đã thực hiện 19 vụ ký hợp đồng, nhận tiền chuyển khoản cho thuê Phòng 1xx, tại nhà số đường Thành T, Phường R, Quận K, rồi chiếm đoạt tiền, cụ thể:

- Ngày 08/12/2022, bị cáo chiếm đoạt số tiền 13.000.000 đồng của anh Vương Trung H, gồm: tiền cọc 6.500.000 đồng và tiền thuê phòng tháng 01/2023 là 6.500.000 đồng.

- Cùng ngày 10/12/2022, bị cáo chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng của chị Lê Thị Lan N, là đại diện cho các chị Nguyễn Ngọc Hoàng Y, Nguyễn Thị Thùy T và anh Võ Chí M, ký hợp đồng thuê Phòng; chiếm đoạt số tiền 11.000.000 đồng của chị Trần Ngọc Anh T, là đại diện cho các chị Phạm Thị Trúc L, Nguyễn Hoài H, ký hợp đồng thuê nhà; chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng của chị Trần Thị Yến L chuyển khoản để thuê phòng trong thời hạn 06 tháng.

- Ngày 12/12/2022, bị cáo chiếm đoạt số tiền 11.000.000 đồng của chị Lê Thị L và chị Trần Thị Phương T (do chị T đại diện thuê Phòng).

- Ngày 13/12/2022, bị cáo chiếm đoạt số tiền 10.250.000 đồng của anh Hồ Ngọc H.

- Cùng ngày 14/12/2022, bị cáo chiếm đoạt số tiền 10.250.000 đồng của anh Trần Công P và chị Nguyễn Thị Phụng K, do anh P đại diện ký hợp đồng thuê phòng; chiếm đoạt số tiền 10.250.000 đồng của anh Lê Gia K, anh Kiệt đã nhờ ông Lê Gia Nghiệp chuyển khoản để thanh toán cho bị cáo T; chiếm đoạt số tiền 9.250.000 đồng của chị Bùi Xuân V; chiếm đoạt số tiền 10.250.000 đồng của chị Nguyễn Lý Phương N và anh Nguyễn Văn P, do chị N đại diện ký hợp đồng thuê phòng. Chị N đã thanh toán tiền mặt 5.500.000 đồng và chuyển khoản số tiền 5.750.000 đồng cho bị cáo. Sau khi không được giao nhà, chị N đã yêu cầu bị cáo trả lại tiền. Sợ bị phát hiện nên ngày 21/12/2022, bị cáo T đã chuyển trả lại cho chị N số tiền 3.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo T chiếm đoạt.

- Cùng ngày 16/12/2022, bị cáo chiếm đoạt số tiền 10.250.000 đồng của chị Đặng Hiền N; chiếm đoạt số tiền 10.250.000 đồng của chị Nguyễn Ngọc Trang Đ; chiếm đoạt số tiền 10.250.000 đồng của chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Trúc P, do chị H đại diện thuê phòng.

- Ngày 17/12/2022, bị cáo chiếm đoạt số tiền 11.000.000 đồng của anh Trần Quốc H; chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng của anh Trần Kim T và anh Trần Xuân N; chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng đặt cọc để thuê phòng của chị Nguyễn Phạm Bảo T và chị Hoàng Ngọc Uyên P, do chị T đại diện thuê phòng.

- Ngày 18/12/2022, bị cáo chiếm đoạt số tiền 11.250.000 đồng của anh Nguyễn Hoàng Duy K và anh Nguyễn Hữu Trọng N, do anh K đại diện thuê phòng.

- Bị cáo T đã nhận tiền chuyển khoản 02 trường hợp khác để cho thuê Phòng 1xx nhà đường Thành T, Phường R, Quận K nhưng sau đó do lo sợ bị phát hiện, tố giác nên bị cáo đã trả lại tiền nhằm che dấu hành vi chiếm đoạt tài sản của mình, cụ thể: Ngày 14/12/2022, chị Trần Lê Phương L chuyển khoản số tiền là 9.000.000 đồng cho bị cáo để thuê phòng. Chiều ngày 18/12/2022, chị L dọn đồ đến Phòng 1xx. Đến ngày 19/12/2022, chị L được quản lý tòa nhà cho biết bị cáo T không phải chủ nhà và không có quyền cho thuê phòng nên chị L đã dọn đồ đi và yêu cầu bị cáo trả lại tiền. Ngày 21/12/2022, bị cáo đã chuyển trả lại cho chị L số tiền 9.000.000 đồng; Ngày 19/12/2022, anh Nguyễn Hải L đã chuyển khoản số tiền 10.250.000 đồng cho bị cáo T để thuê Phòng 1xx. Sau đó, anh L phát hiện bị cáo T có dấu hiệu lừa đảo nên yêu cầu bị cáo trả lại tiền. Do sợ bị phát hiện nên ngày 20/12/2022, bị cáo đã chuyển lại cho anh L số tiền 10.250.000 đồng.

Bị cáo T đã thực hiện 04 vụ nhận tiền chuyển khoản cho thuê các phòng của nhà số đường Lê Hồng P, Phường I, Quận K, rồi chiếm đoạt:

- Ngày 19/12/2022, bị cáo chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng của chị Đặng Mỹ L để thuê Phòng số 1xx.

- Cùng ngày 20/12/2022, bị cáo chiếm đoạt số tiền 12.000.000 đồng của chị Võ Thị Thùy Linh để thuê Phòng 2xx; chiếm đoạt số tiền 12.000.000 đồng của chị Đinh Thị Trà M và anh Đinh Lê Q để thuê Phòng 1xx; chiếm đoạt số tiền 44.000.000 đồng của chị Đỗ Thị Ngọc T và chị Đỗ Thị Thu T để thuê các Phòng 1xx, 1xx, 2xx, 3xx, 3xx và mặt bằng tầng trệt nhà Lê Hồng P, Phường I, Quận K.

Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và khởi tố đối với Nguyễn Minh T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của bị hại, kết quả sao kê tài khoản ngân hàng mà Cơ quan điều tra đã thu thập. Đồng thời, bị cáo T khai chạy xe hãng Gojek thu nhập mỗi tháng khoảng 4.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng, do không đủ tiền sinh sống nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền để tiêu xài. Việc bị cáo T thuê phòng để thực hiện hành vi phạm tội thì chủ nhà cho bị cáo thuê không biết. Bị cáo T có ký biên bản thỏa thuận thuê chị Đỗ Thị Kiều A làm cộng tác viên đăng tin cho thuê phòng, ai gọi điện thoại thuê phòng thì trả lời nhưng sau đó chị A không làm cộng tác viên cho bị cáo. Bị cáo T không biết thông tin của người làm giả Chứng minh nhân dân, bị cáo không nhận giấy Chứng minh nhân dân giả mà chỉ nhận hình chụp Chứng minh nhân dân giả qua ứng dụng zalo. Sau đó, bị cáo lưu vào máy điện thoại để sử dụng. Số tiền chiếm

đoạt được của các bị hại, bị cáo sử dụng 55.000.000 đồng để mua: 01 xe Vespa, mang biển số 59M2-170.xx; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus, giá 21.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus (không nhớ giá tiền); sử dụng 15.500.000 đồng để đặt cọc và đóng tiền thuê Phòng 1xx, nhà số Thành T, Phường R, Quận K; sử dụng 24.000.000 đồng đặt cọc và thuê Phòng 1xx, 2xx nhà số Lê Hồng P, Phường I, Quận K; sử dụng 57.000.000 đồng trả tiền đặt cọc và thuê căn hộ tòa J, chung cư Hà Đô C, số 2xx Đường Y, Phường I, Quận K, để ở; Số tiền còn lại bị cáo T sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, chị Đỗ Thị Kiều A khai: Ngày 01/12/2022, chị A liên hệ với bị cáo T để hỏi thuê phòng thì bị cáo hẹn gặp tại nhà số Đường Y, Phường R, Quận K. Qua trao đổi, bị cáo thoả thuận sẽ thuê chị A làm việc online tại nhà với mức lương 6.000.000 đồng/tháng, công việc của chị A là đăng tin cho thuê phòng, ai gọi điện thoại thuê phòng thì trả lời. Ngày 04/12/2022, giữa chị A và bị cáo ký biên bản thỏa thuận làm việc. Ngày 05/12/2022, chị A đến địa chỉ số Đường Y, Phường R, Quận K để trao đổi công việc với bị cáo T thì được mọi người cho biết bị cáo không còn ở địa chỉ trên và bị cáo lừa tiền của người khác. Sau đó, chị A đi về và không L hệ với bị cáo. Việc bị cáo T lừa đảo chiếm đoạt tiền của người đi thuê phòng thì chị A không biết và không phụ giúp gì.

Ông Võ Duy B và ông Nguyễn Tiến N là chủ nhà trọ và quản lý nhà số đường Thành T, Phường R, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh khai: Ngày 05/12/2022, ông B có ký hợp đồng cho bị cáo T thuê Phòng 1xx của nhà trên để ở, không được phép cho người khác thuê lại. Bị cáo T đã thanh toán cho ông B tiền thuê phòng một tháng là 8.267.000 đồng và đặt cọc 8.000.000 đồng. Việc bị cáo sử dụng Phòng 1xx để thực hiện hành vi phạm tội thì ông B không biết. Ông B tự giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra 8.000.000 đồng, là tiền bị cáo T đã đặt cọc thuê nhà. Đối với số tiền đặt cọc do Tuấn vi phạm hợp đồng nên phải bị mất cọc, ông B đề nghị được nhận lại số tiền đặt cọc 8.000.000 đồng đã giao nộp.

Công Ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Bất động sản Hải Đ do ông Nguyễn Khắc Long V đại diện theo pháp luật, quản lý tòa nhà số Đường Y, Phường R, Quận K, khai: Ký hợp đồng cho bị cáo T thuê Phòng 2xx, tại nhà số Đường Y, Phường R, Quận K, với giá 7.200.000 đồng/tháng, thời gian thuê 06 tháng kể từ ngày 01/11/2022; Mục đích thuê để ở, không được quyền cho người khác thuê lại. Việc bị cáo T sử dụng phòng trên để thực hiện hành vi phạm tội công ty không biết.

Ông Nguyễn Thế T, ông Huỳnh Phạm Đăng K là chủ và quản lý nhà số Lê Hồng P, Phường I, Quận K, khai: Ngày 19 và 21/12/2022, ông T có ký hợp đồng cho bị cáo T thuê Phòng số 1xx, Phòng 2xx của căn nhà trên, mục đích thuê để

ở; bị cáo T không được quyền cho người khác thuê lại. Việc bị cáo sử dụng các căn phòng trên để thực hiện hành vi phạm tội thì ông T không biết.

Ông Trần Quang M là chủ Căn hộ 8xx, Tòa nhà J, Chung cư Hà Đô C - Số 2xx Đường Y, Phường I, Quận K, khai: Ngày 22/12/2023, ông có ký hợp đồng cho bị cáo T thuê căn hộ trên để ở, với thời hạn thuê 06 tháng. Ông M không biết số tiền bị cáo T dùng để đặt cọc và trả tiền thuê nhà là do bị cáo phạm tội mà có. Bị cáo T không tiếp tục thuê là vi phạm hợp đồng nên ông M không đồng ý trả lại số tiền bị cáo đã đặt cọc.

Ngoài thực hiện hành vi phạm tội tại Quận 10, bị cáo Nguyễn Minh T còn thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của những người có nhu cầu thuê phòng trên địa bàn quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

Ngày 04/8/2022, bị cáo T và chị Nguyễn Thị Ngọc D cùng nhau thuê Phòng số 3xx, nhà Lê S, phường Tân Q, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh để ở. Đến khoảng tháng 10/2022, hai người phát sinh mâu thuẫn nên chị D dọn đi không ở chung với bị cáo T. Do muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo sử dụng tài khoản Zalo với tên “Bảo Ngân” đăng tin cho thuê Phòng 3xx, nhà Lê S, phường Tân Q, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo T đưa ra thông tin gian dối mình là chủ nhà hoặc quản lý căn nhà trên để người có nhu cầu thuê phòng tin tưởng chuyển tiền thuê phòng cho bị cáo rồi chiếm đoạt.

Ngày 24/10/2022, chị Nguyễn Thị Mỹ D chuyển khoản cho bị cáo T số tiền 7.500.000 đồng để thuê phòng. Ngày 30/10/2022, chị D điều khiển xe máy hiệu Honda Vario, mang biển số 59U-165.xx đến nhà số Lê S, phường Tân Q, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thì được bị cáo T đón và dẫn chị D lên Phòng 3xx của căn nhà trên. Khi chị D đang dọn dẹp phòng thì bị cáo nói chị D đưa căn cước công dân, giấy đăng ký xe, chìa khóa xe để xuống đăng ký tạm trú và đăng ký xe với bảo vệ. Chị D tin tưởng là thật nên đồng ý đưa giấy tờ và chìa khóa xe mô tô của mình cho bị cáo T. Sau đó, bị cáo xuống dưới nhà lấy xe của chị D mang đến tiệm cầm đồ Long P, Âu C, Phường E, Quận U, cầm xe cho ông Vũ Văn L với số tiền 27.000.000 đồng và hủy kết bạn zalo với chị D. Khoảng 30 phút sau, chị D liên hệ với bị cáo nhưng không được nên chạy xuống dưới nhà hỏi thì được bảo vệ của căn nhà cho biết bị cáo là người thuê Phòng 3xx chứ không phải là chủ nhà. Biết bị lừa, chị D đã đến Cơ quan Công an trình báo.

Ngày 25/10/2022, bị cáo T tiếp tục chiếm đoạt số tiền 3.300.000 đồng của chị Nguyễn Thụy Thảo V chuyển khoản để thuê Phòng 3xx, nhà Lê S, phường Tân Q, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Phú đã yêu cầu định giá. Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐ ĐGTS ngày 04/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Tân Phú, kết luận: 01 xe gắn máy hiệu

Honda Loại Vario 125, màu trắng đen, biển số 59U2-165.xx tại thời điểm định giá có trị giá: 43.800.000 đồng.

Ngày 28/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Phú đã khởi tố đối với Nguyễn Minh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 12/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Phú đã chuyển toàn bộ hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 để nhập vụ án, xử lý chung theo quy định.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản tại quận Tân Phú như đã nêu trên. Bị cáo khai khi chị D đang dọn phòng thì bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của chị D nên nói dối chị D đưa giấy tờ xe, căn cước công dân và chìa khóa xe để đăng ký tạm trú và đăng ký xe. Khi đi đến tiệm cầm đồ, bị cáo nói xe của bạn nhờ cầm hộ. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được bị cáo T đã tiêu xài cá nhân hết. Giấy cầm đồ bị cáo đã làm mất.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bà Nguyễn Thị Thu Thúy là chủ nhà trọ số Lê S, phường Tân Q, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, khai: Bà T có ký hợp đồng cho chị Nguyễn Thị Ngọc D và Nguyễn Minh T thuê Phòng 3xx của nhà trên để ở, không được phép cho người khác thuê lại. Trường hợp cho người khác thuê lại thì phải có sự đồng ý của bà T. Việc bị cáo T sử dụng Phòng 3xx để thực hiện hành vi phạm tội thì bà T không biết.

Chị Nguyễn Thị Ngọc D khai: Khoảng tháng 8/2022, chị có thuê Phòng 3xx, nhà số Lê S, phường Tân Q, quận Tân Phú để ở cùng với bị cáo T đến tháng 10/2022 giữa hai người phát sinh mâu thuẫn nên chị D không ở chung với bị cáo nữa. Việc bị cáo T phạm tội thì chị D không biết.

Ông Vũ Văn L khai: Ngày 30/10/2022, bị cáo T đem xe máy hiệu Honda Vario, mang biển số 59U-165.xx đến cầm cố và nói xe của bạn nhờ cầm giúp nên ông L đồng ý cầm xe với số tiền 27.000.000 đồng. Ông L không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Ông L đã giao lại chiếc xe trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Phú.

Kết quả xác minh tại Ngân hàng Viettinbank, tài khoản số: 106875205xxx, do Nguyễn Minh T là chủ tài khoản, hiện có số dư: 3.969.848 đồng; Xác minh tại Ngân hàng MB Bank, tài khoản số: 55051866xxx, do Nguyễn Minh T là chủ tài khoản, có số dư: 309.635 đồng. Đây là các tài khoản bị cáo T sử dụng để nhận tiền của các bị hại rồi chiếm đoạt. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã có công văn ngăn chặn chuyển dịch số tiền trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe gắn máy hiệu Vespa, màu xanh, mang biển số 59M2-170.xx, số khung: RP8M82511HV015443, số máy: M82EM-5023346, là tài sản bị cáo T sử dụng tiền phạm tội để mua. Kết luận giám định số khung số máy không thay đổi. Xác minh xe trên do ông Trần Tuấn Đ đứng tên chủ sở hữu, thường trú tại: Bình T, Phường K, Quận U. Ngày 16/12/2022, ông Đ đã ủy quyền cho ông Lê Quang P, thường trú tại: lô B, Chung cư Tân T, phường Tân T, quận Bình Tân. Ngày 18/12/2022, ông P bán xe trên cho ông Trần Trọng H, địa chỉ: lô B chung cư A, đường Phan Xích L, Phường B, quận Phú N. Ngày 19/12/2022, ông H đã bán xe lại cho bị cáo Nguyễn Minh T với giá 55.000.000 đồng (chưa làm Hợp đồng mua bán xe).

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 064506 của xe biển số 59M2-170.xx, chủ xe tên Trần Tuấn Đ.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus, màu trắng, số emei: 3535477940047xx, bị cáo T sử dụng tiền phạm tội để mua.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus, màu trắng, số emei: 3567080865166xx, bị cáo T sử dụng tiền phạm tội để mua.

- 01 điện thoại di động hiệu FORME, có sim số thuê bao: 07682063xx, là tài sản bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 thẻ ngân hàng Vietinbank, màu đen, số 97041502612292xx; 01 thẻ ngân hàng Vietinbank, màu đỏ, số 62921200001030xx; 01 thẻ ngân hàng Vietinbank, màu xanh, số 97041501239087xx; 01 thẻ ngân hàng MB, màu xanh, số 35641935698596xx; 01 thẻ ngân hàng MB, màu xanh, số 40890410174187xx; 01 thẻ ngân hàng Techcombank, màu xám, số 42214986916680xx; 01 thẻ ngân hàng Vicombank, màu xanh-trắng, số 45240418893154xx, tất cả các thẻ mang tên Nguyễn Minh T.

- 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Minh T, số 5802150031xx và 01 Căn cước công dân số 0582020026xx tên Nguyễn Minh T, là giấy tờ của bị cáo T.

- Số tiền 8.000.000 đồng, là tiền bị cáo T phạm tội mà có và sử dụng đặt cọc cho ông Võ Duy B, để thuê Phòng 1xx nhà số 7B/105/25 Thành Thái, Phường 14, Quận 10; Ông Võ Duy B đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra.

- 15 thẻ từ màu trắng, để mở Phòng 1xx nhà 7B/105/25 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, bị cáo T tự thuê người làm để thực hiện hành vi phạm tội.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 đã có Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, chờ xử lý.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vario, mang biển số 59U-165.xx, số khung MH1JFV114JK866419, số máy JFV1E1872588. Kết luận giám định số khung số

máy không thay đổi. Xác minh xe trên do ông Nguyễn Hoàng Thắng, thường trú tại: 75CT CX Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, đứng tên chủ sở hữu. Ông Thắng khai ngày 30/10/2023 giao chiếc xe trên cho vợ, là chị Nguyễn Thị Mỹ D sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Phú đã trả chiếc trên cho ông Nguyễn Hoàng Thắng.

- 01 căn cước công dân số 068198004216 tên Nguyễn Thị Mỹ D, không L quan đến việc phạm tội của bị cáo T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã xử lý trao trả cho bà Duyên.

- 01 mẫu Biên bản thỏa thuận có ghi sẵn bên A: Nguyễn Minh T, địa chỉ: 2 Hòn Chồng, Vĩnh Hải, Nha Trang, Khánh Hòa, bị cáo T sử dụng để phạm tội (Lưu hồ sơ vụ án).

- 01 Hợp đồng ngày 01/11/2022 thuê Phòng 2xx, nhà số Đường Y, Phường R, Quận K giữa Công Ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Bất động sản Hải Đ và Nguyễn Minh T (Lưu hồ sơ vụ án)

- 01 Hợp đồng ngày 05/12/2022 cho thuê Phòng 1xx, nhà số 7B/105/25 Thành Thái, Phường 14, Quận 10 giữa anh Võ Duy B và bị cáo Nguyễn Minh T. (Lưu hồ sơ vụ án).

- Hợp đồng ngày 19/12/2022 cho thuê Phòng 1xx, nhà số Lê Hồng P, Phường I, Quận K giữa Nguyễn Thế T và bị cáo Nguyễn Minh T.

- 32 hợp đồng thuê giữa bị cáo Nguyễn Minh T với các bị hại trong vụ án, thu giữ khi khám xét. (Lưu hồ sơ vụ án)

- 01 Biên bản thỏa thuận ngày 04/12/2022 giữa bị cáo Nguyễn Minh T và Đỗ Thị Kiều A. (Lưu hồ sơ vụ án)

- 33 hợp đồng đặc cọc thuê nhà giữa bị cáo Nguyễn Minh T với các bị hại trong vụ án. (do các bị hại giao nộp; Lưu hồ sơ vụ án)

Về dân sự:

- Anh Nguyễn Tiến D và chị Lê Thị Trúc T yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 10.600.000 đồng.

- Ông Hồ Tấn C yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 4.000.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền thuê xe chở đồ dọn phòng.

- Anh Vương Trung H yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 13.000.000 đồng.

- Chị Lê Thị Lan N, chị Nguyễn Ngọc Hoàng Y, anh Võ Chí M, chị Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt cho mỗi người là 1.250.000 đồng.

- Chị Trần Ngọc Anh T, chị Phạm Thị Trúc L yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt cho mỗi người là 5.500.000 đồng.
- Chị Trần Thị Yến L yêu cầu Tuấn bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 20.000.000 đồng.
- Chị Lê Thị L, chị Trần Thị Phương T yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt cho mỗi người là 5.500.000 đồng.
- Anh Nguyễn Hoàng Duy K, anh Nguyễn Hữu Trọng N yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt cho mỗi người là 5.625.000 đồng.
- Chị Đặng Hiếu N yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 10.250.000 đồng.
- Chị Nguyễn Ngọc Trang Đ yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 10.250.000 đồng.
- Anh Hồ Ngọc H yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 10.250.000 đồng.
- Anh Trần Công P, chị Nguyễn Thị Phụng K yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt cho mỗi người là 5.125.000 đồng.
- Anh Lê Gia K, anh Huỳnh Đức H yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt cho mỗi người là 5.125.000 đồng.
- Chị Nguyễn Lý Phương N, anh Nguyễn Văn P yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt cho mỗi người là 4.125.000 đồng.
- Chị Bùi Xuân V yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 9.250.000 đồng.
- Chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Trúc P yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt cho mỗi người là 5.125.000 đồng.
- Anh Trần Quốc H yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 11.000.000 đồng.
- Anh Trần Kim T, anh Trần Xuân N yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 10.000.000 đồng.
- Chị Nguyễn Phạm Bảo Trân, chị Hoàng Ngọc Uyên P yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt cho mỗi người là 2.500.000 đồng.
- Chị Đặng Mỹ L yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 10.000.000 đồng.
- Chị Võ Thị Thùy Linh yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 12.000.000 đồng.

- Chị Đinh Thị Trà M, anh Đinh Lê Q yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 12.000.000 đồng.

- Chị Đỗ Thị Ngọc T, chị Đỗ Thị Thu T yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 44.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 7.500.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thụy Thảo V yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 3.300.000 đồng.

- Anh Vũ Văn L yêu cầu bị cáo T hoàn trả số tiền đã cầm xe là 27.000.000 đồng.

- Ông Võ Duy B yêu cầu nhận lại số tiền 8.000.000 đồng bị cáo T đã đặt cọc để thuê nhà; Ông B đã giao nộp Cơ quan điều tra.

- Chị Trần Lê Phương L, anh Nguyễn Hải L đã nhận lại số tiền bị cáo T chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại Cáo trạng số 109/CT-VKSQ10 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Bị cáo Nguyễn Minh T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đối với xã hội, bị hại và nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải), tình tiết tăng nặng (bị cáo phạm tội hai lần trở lên, có tính chất chuyên nghiệp) và nhân thân của bị cáo; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo: Nguyễn Minh T từ 10 năm đến 11 năm tù, miễn phạt tiền bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và đề nghị xử lý vật chứng.

- Ý kiến của bị cáo: Không có ý kiến gì tranh luận.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Minh T đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin sai sự thật bằng việc thuê phòng sau đó cho thuê lại với giá rẻ hơn cho nhiều người làm các bị hại tưởng thật nên đã chuyển tiền đặt cọc và tiền thuê nhà cho bị cáo. Bị cáo chiếm đoạt số tiền 345.700.000 đồng. Do vậy, bị cáo Nguyễn Minh T bị truy tố và xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo lần này cần phải bị xử phạt

ng nghiêm minh bằng luật hình tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo gây ra, cụ thể cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 05 lần trở lên và qua điều tra xác định thu nhập từ nghề nghiệp chạy xe ôm công nghệ Gojek không ổn định, không đủ sống, bị cáo sử dụng tiền phạm tội mà có làm nguồn thu nhập chính để sống, tiêu xài nên phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên và có tính chất chuyên nghiệp, được quy định tại điểm b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Minh T bồi thường như sau:

- Anh Nguyễn Tiến D và chị Lê Thị Trúc T yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 10.600.000 đồng.

- Ông Hồ Tấn C yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 4.000.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền thuê xe chở đồ dọn phòng.

- Anh Vương Trung H yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 13.000.000 đồng.

- Chị Lê Thị Lan N, chị Nguyễn Ngọc Hoàng Y, anh Võ Chí M, chị Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt cho mỗi người là 1.250.000 đồng.

- Chị Trần Ngọc Anh T, chị Phạm Thị Trúc L, Lê Thị L, chị Trần Thị Phương T yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt cho mỗi người là 5.500.000 đồng.

- Chị Trần Thị Yến L yêu cầu Tuấn bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 20.000.000 đồng.

- Anh Nguyễn Hoàng Duy K, anh Nguyễn Hữu Trọng N yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt cho mỗi người là 5.625.000 đồng.

- Chị Đặng Hiểu N, Nguyễn Ngọc Trang Đ, anh Hồ Ngọc H yêu cầu bị cáo T bồi thường mỗi người số tiền bị chiếm đoạt là 10.250.000 đồng.

- Anh Trần Công P, chị Nguyễn Thị Phụng K, anh Lê Gia K, anh Huỳnh Đức H yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt cho mỗi người là 5.125.000 đồng.

- Chị Nguyễn Lý Phương N, anh Nguyễn Văn P yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt cho mỗi người là 4.125.000 đồng.

- Chị Bùi Xuân V yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 9.250.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Trúc P yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt cho mỗi người là 5.125.000 đồng.

- Anh Trần Quốc H yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 11.000.000 đồng.

- Anh Trần Kim T, anh Trần Xuân N yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 10.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Phạm Bảo Trân, chị Hoàng Ngọc Uyên P yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt cho mỗi người là 2.500.000 đồng.

- Chị Đặng Mỹ L yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 10.000.000 đồng.

- Chị Võ Thị Thùy Linh yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 12.000.000 đồng.

- Chị Đinh Thị Trà M, anh Đinh Lê Q yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 12.000.000 đồng.

- Chị Đỗ Thị Ngọc T, chị Đỗ Thị Thu T yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 44.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 7.500.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thụy Thảo V yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 3.300.000 đồng.

- Ông Vũ Văn L yêu cầu bị cáo T hoàn trả số tiền đã cầm xe là 27.000.000 đồng.

- Tại phiên toà bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Xét thấy việc bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus, màu trắng, sốimei: 3535477940047xx; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus, màu trắng, sốimei: 3567080865166xx; 01 xe gắn máy hiệu Vespa, màu xanh, mang biển số 59M2-170.xx, số khung: RP8M82511HV015443, số máy: M82EM-5023346 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 064506 của xe biển số 59M2-170.xx là tài sản bị cáo T sử dụng tiền phạm tội để mua nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự kê biên để bảo đảm cho việc thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu FORME, có sim số thuê bao: 07682063xx, là tài sản bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 15 thẻ từ màu trắng, là tài sản không L quan đến việc phạm tội nhưng không có giá trị, bị cáo không nhận lại nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu và tiêu hủy

Đối với 01 thẻ ngân hàng Vietinbank, màu đen, số 97041502612292xx; 01 thẻ ngân hàng Vietinbank, màu đỏ, số 62921200001030xx; 01 thẻ ngân hàng Vietinbank, màu xanh, số 97041501239087xx; 01 thẻ ngân hàng MB, màu xanh, số 35641935698596xx; 01 thẻ ngân hàng MB, màu xanh, số 40890410174187xx; 01 thẻ ngân hàng Techcombank, màu xám, số 42214986916680xx; 01 thẻ ngân hàng Vicombank, màu xanh-trắng, số 45240418893154xx, tất cả các thẻ mang tên Nguyễn Minh T; 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Minh T, số 5802150031xx và 01 Căn cước công dân số 0582020026xx tên Nguyễn Minh T, là giấy tờ của bị cáo T. Xét thấy đây là giấy tờ tùy thân và tài sản không L quan đến việc phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh T

Đối với số tiền 3.969.848 đồng trong tài khoản số: 106875205xxx tại Ngân hàng Viettinbank và số tiền 309.635 đồng trong tài khoản số: 55051866xxx tại Ngân hàng MB Bank do Nguyễn Minh T là chủ tài khoản. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại nên cần thiết kê biên số tiền trên để bảo đảm thi hành án

Đối với số tiền 8.000.000 đồng, là tiền bị cáo T đặt cọc thuê nhà của ông Võ Duy B, để thuê phòng nhằm mục đích lừa đảo. Hội đồng xét xử xét thấy đây là số tiền của các bị hại mà bị cáo đã lừa. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu để trả lại cho các bị hại.

[6] Về án phí (hình sự + dân sự) sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2022.

Miễn phạt tiền bổ sung đối với bị cáo

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Tiến D, chị Lê Thị Trúc T số tiền 10.600.000 (mười triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại ông Hồ Tấn C số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại anh Vương Trung H số tiền là 13.000.000 (mười ba triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng cho các bị hại chị Lê Thị Lan N, chị Nguyễn Ngọc Hoàng Y, anh Võ Chí M, chị Nguyễn Thị Thùy T {mỗi người được bồi thường số tiền là 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng}.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng cho bị hại chị Trần Ngọc Anh T, chị Phạm Thị Trúc L, Lê Thị L, chị Trần Thị Phương T {mỗi người được bồi thường số tiền là 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng}.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại bà Trần Thị Yên L số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Hoàng Duy K, anh Nguyễn Hữu Trọng N số tiền 11.250.000 (mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng {mỗi người được bồi thường số tiền là 5.625.000 (năm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng}.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại chị Đặng Hiểu N, chị Nguyễn Ngọc Trang Đ, Anh Hồ Ngọc H số tiền là 30.750.000 (ba mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng {mỗi người được bồi thường số tiền là 10.250.000 (mười triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng}.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại Anh Trần Công P, chị Nguyễn Thị Phụng K, anh Lê Gia K, anh Huỳnh Đức H, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Trúc P số tiền 30.750.000 (ba mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng {mỗi người được bồi thường số tiền là 5.125.000 (năm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng}.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại chị Nguyễn Lý Phương N, anh Nguyễn Văn P số tiền 8.250.000 (tám triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng {mỗi người được bồi thường số tiền là 4.125.000 (bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng}.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị Bùi Xuân V số tiền là 9.250.000 (chín triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại anh Trần Quốc H số tiền là 11.000.000 (mười một triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại anh Trần Kim T, anh Trần Xuân N số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại chị Nguyễn Phạm Bảo Trân, chị Hoàng Ngọc Uyên P số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng {mỗi người được bồi thường số tiền là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng}.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị Đặng Mỹ L số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị Võ Thị Thùy Linh số tiền là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại chị Đinh Thị Trà M, anh Đinh Lê Q yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại chị Đỗ Thị Ngọc T, chị Đỗ Thị Thu T số tiền là 44.000.000 (bốn mươi bốn triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị Mỹ D số tiền là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thụy Thảo V số tiền là 3.300.000 (ba triệu ba trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Vũ Văn L số tiền là 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng.

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là 307.650.000 (ba trăm lẻ bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kê biên số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus, màu trắng, số imei: 3535477940047xx; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus, màu trắng, số imei: 3567080865166xx; 01 xe gắn máy số 59M2-170.xx, số khung: RP8M82511HV015443, số máy: M82EM-5023346, nhãn hiệu: PIAGGIO, số loại: Vespa, màu sơn: Xanh, loại xe: Hai bánh từ 50 - 175 cm³, dung tích xi lanh: 124 cùng với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 064506 của xe biển số 59M2-170.xx; số tiền 3.969.848 (ba triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi tám) đồng trong tài khoản số: 106875205xxx tại Ngân hàng Viettinbank và số tiền 309.635 (ba trăm lẻ chín nghìn sáu trăm ba mươi lăm) đồng trong tài khoản số: 55051866xxx tại Ngân hàng MB Bank do Nguyễn Minh T làm chủ tài khoản để bảo đảm cho việc thi hành án.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với 01 điện thoại di động hiệu FORME, có sim số thuê bao: 07682063xx.

Tịch thu và tiêu hủy đối với 15 thẻ từ màu trắng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh T 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Minh T, số 5802150031xx và 01 Căn cước công dân số 0582020026xx tên Nguyễn Minh T; 01 thẻ ngân hàng Vietinbank, màu đen, số 97041502612292xx; 01 thẻ ngân hàng Vietinbank, màu đỏ, số 62921200001030xx; 01 thẻ ngân hàng Vietinbank, màu xanh, số

97041501239087xx; 01 thẻ ngân hàng MB, màu xanh, số 35641935698596xx; 01 thẻ ngân hàng MB, màu xanh, số 40890410174187xx; 01 thẻ ngân hàng Techcombank, màu xám, số 42214986916680xx; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank, màu xanh-trắng, số 45240418893154xx, tất cả các thẻ mang tên Nguyễn Minh T.

(Tình trạng vật chứng: Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/11/2023 giữa Công an Quận 10 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10).

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 15.382.500 (mười lăm triệu ba trăm tám mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSNDTP.HCM (1)
- VKSND Q.10; (2)
- Công an Q.10; (1)
- Chi cục THADS Q.10; (3)
- Người tham gia tố tụng; (4)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (7)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Quyết

